TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT.
Ngày: 04/3/2019.
V/v : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04/3/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26/12/2018 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giangbị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 14/01/2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-PT ngày 23/01/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-PT ngày 20/02/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*Người kháng cáo: Bị đơn Vũ Văn H. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/8/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Văn H kết hôn ngày 10/10/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, chị và anh H về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chị chung sống bình thường đến tháng 01/2018 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tháng 01/2018, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 và Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016, hiện cả 02 con đều đang ở với anh H. Ly hôn chị nhận nuôi cháu Vũ Minh H, để anh H nuôi cháu Vũ Khánh L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, ruộng canh tác, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh H. Chị đang làm ở Công ty TNHH EM-TECH Việt Nam lương thu nhập hàng tháng trên 6.000.000 đồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Vũ Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 10/10/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, anh và chị T về chung sống với nhau ngay và ở chung với bố mẹ đẻ của anh tại thôn S, xã T. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra một số bất đồng do chị T có mâu thuẫn với bố mẹ anh. Do vợ chồng bất đồng quan điểm nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng sau đó anh và gia đình khuyên bảo nên chị T lại quay về, đến tháng 8/2017 chị T mang con nhỏ về nhà mẹ đẻ tiếp sau đó đến tháng 10/2017 lại gọi anh xuống đón về. Đến khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2018 thì chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh không biết người đó là ai, ở đâu. Tháng 9/2018, chị T lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh có khuyên chị T về nhưng chị T không về nữa, vợ chồng anh ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T có đề nghị xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 và Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016, hiện cả 02 con đều đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến: Anh đồng ý ly hôn với chị T và anh nhận nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang làm ở Công ty TNHH Vina Polytech lương thu nhập bình quân trên 9.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016. Anh Vũ Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 26/11/2018 bị đơn là anh Vũ Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang về phần giải quyết nuôi con chung; Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được nuôi cả hai con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 và Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Vũ Văn H trình bày: Tôi giữ nguyên nội dung kháng cáo vì các con ở với tôi từ khi còn nhỏ, chị T không có sự quan tâm chăm sóc đến các con, không làm tròn trách nhiệm của một người mẹ. Công việc của chị T không đảm bảo cho việc nuôi con. Tôi có biết quy định của pháp luật là con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ nuôi nhưng tôi không muốn tách hai con vì sợ ảnh hưởng đến tình cảm chị em của các con. Tôi không có căn cứ gì khác chứng minh chị T không đủ điều kiện nuôi con. Tôi có công việc, có thu nhập ổn định, hiện nay tôi đang ở cùng với bố, mẹ đẻ, bố mẹ tôi còn trẻ khỏe và giúp đỡ tôi trong việc nuôi

dạy và chăm sóc hai con. Tôi có đủ điều kiện để nuôi con chung. Việc chị T cho rằng gia đình tôi ngăn cản không cho chị thăm nom con là không đúng sự thật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi không đồng ý quan điểm của anh H trình bày, đề nghị Tòa án giữ nguyên việc nuôi con chung như bản án sơ thẩm đã giải quyết. Tôi có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tôi đang ở cùng bố mẹ, tôi có công việc, thu nhập ổn định. Nếu tôi được giao nuôi con chung thì bố mẹ tôi cũng sẽ quan tâm, tạo điều kiện phụ giúp tôi trong việc nuôi con. Mặt khác anh H và gia đình ngăn cản không cho tôi được thăm nom con chung. Vì vậy tôi không đồng ý kháng cáo của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Cấp sơ thẩm xem xét giao con chung Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016 cho chị T nuôi là có căn cứ pháp luật. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của anh H, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Vũ Văn H được nộp cho Tòa án nhân dân huyện T trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của anh H là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tòa án sơ thẩm đã giải quyết về quan hệ vợ chồng và tài sản chung, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3].Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang về phần con chung; Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được nuôi cả hai con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 và Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, HĐXX thấy:

[3.1]. Về con chung: Chị T và anh H đều xác nhận có 02 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 và Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh H tại thôn S, xã T, huyện T, cả hai cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Quá trình xét xử sơ thẩm anh H và chị T đều có nguyện vọng nuôi con chung và có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Vũ Khánh L cho anh H nuôi dưỡng, cháu Vũ Minh H cho chị T nuôi dưỡng. Anh H không nhất trí, yêu cầu được nuôi cả hai con chung.

[3.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm xét xử cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi và theo nguyện vọng của chị T có nguyện vọng nuôi con chung, hiện chị T cũng có công việc và thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

[3.3]. Tại quá trình xét xử phúc thẩm anh H cũng không có căn cứ chứng minh chị T không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con là cháu Vũ Minh H. Các đương sự cũng không có thỏa thuận về việc nuôi con. Do vậy, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Vũ Văn H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau này nếu có căn cứ cho rằng chị T không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc theo quy định khác tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình thì anh H có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148- Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147;khoản 1, Điều 148; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1, Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn H về phần giải quyết nuôi con chung. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ - ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh H, sinh ngày 09/9/2016. Anh Vũ Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 09/12/2014. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002212 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Vũ Văn H đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
-Cổng thông tin điện tử;
-UBND xã T;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng